

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÐ
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 26/2021/HSST
Ngày: 18/5/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÐ TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều My

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hùng Cường và ông Đoàn Mạnh Quang

Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thúy Hằng - Thư ký Tòa án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BÐ tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Hiền – Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện BÐ, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 23/2021/HSST ngày 30 tháng 3 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2021/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 4 năm 2021 và Thông báo dời lịch xét xử vụ án hình sự số 06/TB-HS ngày 04 tháng 5 năm 2021, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn N (tên gọi khác: N Sắc), sinh năm 1994; HKTT: Ấp Thanh Thủy, thị trấn TB, huyện BÐ, tỉnh Bình Phước; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc; Kinh; tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 5/12; con ông Nguyễn Văn S và bà Trương Thị H (chết); Bị cáo có vợ tên Mai Thị Thu N và 02 người con, lớn nhất sinh năm 2016, nhỏ nhất sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 16/11/2012, bị TAND huyện BÐ xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Cướp tài sản”; ngày 06/12/2016, bị TAND huyện BÐ xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Bị cáo được tại ngoại - *Có mặt tại phiên tòa.*

2. Phạm Vũ T (tên gọi khác: T đen), sinh năm 1992; HKTT: Ấp TS, thị trấn TB, huyện BÐ, tỉnh Bình Phước; Quốc tịch: Việt N; Dân tộc; Kinh; tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 7/12; con ông Phạm Đức N (chết) và bà Trần Thị T1; Bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị Thùy T2 (đã ly hôn) và 01 người con sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 01/3/2017, bị TAND huyện BÐ xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Bị cáo được tại ngoại - *Có mặt tại phiên tòa.*

Bị hại: Anh Nguyễn Văn T3, sinh năm 1990 – Vắng mặt

Địa chỉ: Ấp 7, xã TH, huyện BD, tỉnh Bình Phước

2.3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

- Ông Nguyễn Minh H, sinh năm 1987 – Vắng mặt

Địa chỉ: Ấp TT, TT TB, huyện BD, tỉnh Bình Phước

- Chị Kiên Thị Ngọc A, sinh năm 1993 – Vắng mặt

Địa chỉ: Ấp 7, xã TH, huyện BD, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 08 giờ ngày 12/11/2020, Nguyễn Văn N điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Dream, màu đỏ đen, không biển kiểm soát chở Phạm Vũ T đi từ ấp TS, thị trấn TB, huyện BD đến khu vực ấp 7, xã TH, huyện BD để mua dê về nuôi. Khi N và T đi ngang nhà anh Nguyễn Văn T3 thuộc ấp 7, xã TH, huyện BD phát hiện nhà khóa cửa, không có cổng, không có người trông coi, N dừng xe nói T đứng canh giới cho N để N vào nhà lấy trộm tài sản, T đồng ý và điều khiển xe mô tô dừng ở lề đường nhựa cách nhà anh T3 khoảng 20m. N đi vòng ra phía sau nhà anh T3, dùng tay giật bung cửa sau (cửa làm bằng ván gỗ) đi vào trong nhà thì phát hiện 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Vision, màu đỏ đen, biển số 93G1-246.62 dựng ở phòng khách. Do xe không có sẵn chìa khóa nên N lục tìm trong nhà thì thấy chìa khóa xe mô tô để trong tủ sắt. N mở khóa xe, dùng tay giật bung cửa chính và chạy xe đến chỗ T đang đứng canh giới. Sau đó, N đưa xe mô tô biển số 93G1-246.62 cho T điều khiển, N điều khiển xe Dream chạy đến khu vực nghĩa trang ấp 4, xã TH, huyện BD. Tại đây, T giao xe 93G1-246.62 cho N rồi đi về nhà. N chạy xe đến khu vực ấp PT, xã HP, huyện BD bán cho 01 người đàn ông (không rõ nhân thân lai lịch) với giá 9.000.000 đồng, N chia cho T 4.000.000 đồng để sử dụng cá nhân.

Ngày 13/11/2021 anh Nguyễn Văn T3 đến CQCSĐT Công an huyện BD trình báo về việc bị mất trộm xe mô tô. Căn cứ kết quả xác minh, điều tra, ngày 11/01/2021 CQCSĐT Công an huyện BD quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can Nguyễn Văn N và Phạm Vũ T về tội “Trộm cắp tài sản” theo Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 07/2020/BKL - ĐGTS ngày 23/11/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện BD xác định giá trị xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Vision, màu đỏ đen, biển số 93G1-246.62, chất lượng sử dụng còn lại 95% là 34.200.000 đồng (ba mươi bốn triệu hai trăm nghìn).

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BD giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo như trong nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên

bố bị cáo Nguyễn Văn N và Phạm Vũ T phạm tội “Trộm cắp tài sản”; đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo N từ 9-12 tháng tù, bị cáo T từ 6-9 tháng tù.

- Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình, không có ý kiến tranh luận đối với bản luận tội của Kiểm sát viên và xin được hưởng mức án nhẹ nhất.

- Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an huyện BĐ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện BĐ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Vì muốn có tiền tiêu xài, vào khoảng 08 giờ 00 phút ngày 12/11/2020, bị cáo Nguyễn Văn N và Phạm Vũ T đã lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu tài sản để lén lút chiếm đoạt 01 xe mô-tô Honda Vision có giá trị 34.200.000 đồng của anh Nguyễn Văn T3. Hành vi nêu trên của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Do đó Cáo trạng 26/Ctr-VKS ngày 30 tháng 3 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện BĐ và bản luận tội của Kiểm sát viên truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại trực tiếp quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng đến trật tự trị an tại địa phương. Các bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân mà không phải bỏ sức lao động nên đã cố ý thực hiện tội phạm. Tuy đã được xóa án tích nhưng các hành vi phạm tội trước đây của các bị cáo đều thuộc nhóm tội xâm phạm quyền sở hữu. Do vậy, xét tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra, cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm, tương ứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Vụ án có tính chất đồng phạm đơn giản. Trong đó, bị cáo N vừa là người khởi xướng, vừa là người trực tiếp thực hành, bị cáo T tham gia với vai trò giúp sức tích cực. Đối với số tiền thu lợi bất chính từ việc phạm tội, bị cáo N cũng thụ

hưởng nhiều hơn bị cáo T. Xét về nhân thân, các bị cáo đều đã từng có tiền án đã được xóa án tích, trong đó bị cáo N có 02 lần phạm tội, bị cáo T 01 lần. Từ các tình tiết trên, cần xử phạt bị cáo N mức án cao hơn bị cáo T.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không có.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo; đã bồi thường thiệt hại cho bị hại, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, bị cáo N có hoàn cảnh gia đình khó khăn, đã được chính quyền địa phương xác nhận. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự được áp dụng đối với các bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Tài sản bị mất không thu hồi được, bị hại đã nhận số tiền bồi thường 34.000.000 đồng từ các bị cáo, không yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xét.

[7] Về vật chứng:

- 01 xe mô-tô hiệu Dream, màu đỏ đen, không biển kiểm soát là tài sản hợp pháp của ông Nguyễn Minh H, ông H không biết các bị cáo dùng xe vào việc phạm tội nên Cơ quan CSĐT không đề cập xử lý là có cơ sở.

- Số tiền thu lợi bất chính từ việc bán tài sản trộm cắp là 9.000.000 đồng, bị cáo N được chia 5.000.000 đồng, bị cáo T được chia 4.000.000 đồng và đã tiêu xài hết, cần buộc các bị cáo nộp lại số tiền này để sung vào Ngân sách Nhà nước.

[8] Những vấn đề khác

Người đàn ông đã mua xe mô-tô từ bị cáo N, Cơ quan CSĐT không xác định được nhân thân nên không đề cập xử lý là có căn cứ.

Xét các bị cáo có nhân thân xấu, ý thức chấp hành pháp luật kém, vì vậy quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về hình phạt đối với các bị cáo là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Về án phí: các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn N, Phạm Vũ T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 01 (một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

Xử phạt bị cáo Phạm Vũ T 08 (tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

[2] Vật chứng

Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự
Buộc bị cáo Nguyễn Văn N nộp số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng, bị cáo
Phạm Vũ T nộp số tiền 4.000.000 (bốn triệu) đồng, tịch thu nộp Ngân sách Nhà
nước.

[3]. Án phí: Căn cứ Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị Quyết
326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc
hội

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[4]. Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn
15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được
quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc
kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện BÐ;
- Công an huyện BÐ;
- Chi cục THADS huyện BÐ;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Kiều My